

## SỐ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG CÓ PHẢI DỮ LIỆU CÁ NHÂN NHẠY CẢM KHÔNG?

Dưới tác động của chuyển đổi số và sự bùng nổ của công nghệ tài chính (Fintech), nhu cầu sử dụng số tài khoản ngân hàng (“**STKNH**”) ngày càng trở nên phổ biến trong nhiều hoạt động thiết yếu như chi trả lương, thanh toán hóa đơn, thương mại điện tử và các giao dịch tài chính cá nhân khác... Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu và tuân thủ Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhiều doanh nghiệp phân vân không biết số tài khoản ngân hàng của người lao động là dữ liệu cá nhân cơ bản hay nhạy cảm? Đây là yếu tố quan trọng để xác định doanh nghiệp có phải chỉ định riêng một bộ phận có chức năng bảo vệ dữ liệu cá nhân nhạy cảm hay không? Hãy cùng tìm hiểu câu trả lời thông qua bài viết sau.

### I- DỮ LIỆU CÁ NHÂN CƠ BẢN VÀ DỮ LIỆU CÁ NHÂN NHẠY CẢM

#### 1) Dữ liệu cá nhân là gì?

Theo Khoản 1, Điều 2, Nghị định 13/2023/NĐ-CP, dữ liệu cá nhân là **thông tin** dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc **giúp xác định một con người cụ thể**.

Ngoài ra, Khoản 2, Điều 2, Nghị định 13/2023/NĐ-CP cũng đã làm rõ định nghĩa như thế nào là thông tin giúp xác định một con người cụ thể. Đó là các “*thông tin hình thành từ hoạt động của cá nhân mà khi **kết hợp với các dữ liệu, thông tin lưu trữ khác có thể xác định một con người cụ thể***”.

Dữ liệu cá nhân được chia thành 2 loại chính, bao gồm **dữ liệu cá nhân cơ bản** và **dữ liệu cá nhân nhạy cảm**.

#### 2) Dữ liệu cá nhân cơ bản là gì?

Khoản 3, Điều 2, Nghị định 13/2023/NĐ-CP đã liệt kê những loại dữ liệu cá nhân được coi là cơ bản như họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe,... Đồng thời quy định mở rằng “*các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể không thuộc quy định tại khoản 4 Điều này*” thì được coi là dữ liệu cá nhân cơ bản. Hay nói cách khác, nếu không phải dữ liệu cá nhân nhạy cảm thì sẽ được coi là dữ liệu cá nhân cơ bản.

#### 3) Dữ liệu cá nhân nhạy cảm là gì?

Theo Khoản 4, Điều 2, Nghị định 13/2023/NĐ-CP, dữ liệu cá nhân nhạy cảm là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Ví dụ: Thông tin về sức khỏe và đời tư, lịch sử tội phạm, thông tin về đặc điểm sinh học riêng của cá nhân,...

## II- SỐ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG CÓ PHẢI DỮ LIỆU CÁ NHÂN NHẠY CẢM KHÔNG?

### 1) Số tài khoản ngân hàng có phải là dữ liệu cá nhân không?

Thông thường, STKNH là một chuỗi ký tự chứa khoảng 6 - 15 ký tự (có thể bao gồm chữ số hoặc chữ số và chữ cái) được ngân hàng cung cấp cho khách hàng khi mở tài khoản. Tùy thuộc vào mỗi ngân hàng mà quy tắc đặt STKNH sẽ khác nhau, có thể theo số hiệu của chi nhánh cấp thẻ hay các mã kiểm soát của ngân hàng,... để phân biệt tài khoản này với các tài khoản khác. Như vậy về bản chất, STKNH là 1 cách để ngân hàng mã hóa dữ liệu cá nhân của khách hàng cho mục đích quản lý, phân biệt khách hàng này với khách hàng khác.

Trên thực tế, khi một cá nhân cung cấp STKNH của mình để nhận tiền chuyển khoản, STKNH chỉ đóng vai trò như một “địa chỉ nhận tiền” mà không tiết lộ quá nhiều thông tin chi tiết về chủ tài khoản. Trong trường hợp thực hiện giao dịch qua các ứng dụng ngân hàng hoặc mobile banking, hệ thống sẽ hiển thị thêm họ và tên chủ tài khoản bên cạnh STKNH nhằm giúp người chuyển khoản dễ dàng xác minh tính chính danh của “địa chỉ nhận tiền” trước khi thực hiện giao dịch.

Có thể thấy, khi được nhập vào hệ thống điện tử của ngân hàng, STKNH sẽ kết hợp với dữ liệu, thông tin được lưu trữ để xác định được chủ tài khoản nhận tiền. Kết hợp với định nghĩa về dữ liệu cá nhân và thông tin giúp xác định một con người cụ thể, STKNH được coi là dữ liệu cá nhân.

### 2) Số tài khoản ngân hàng có phải là dữ liệu cá nhân nhạy cảm không?

Theo Điểm h, Khoản 4, Điều 2, Nghị định 13/2023/NĐ-CP, **thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác** (gọi chung là “thông tin khách hàng”) được coi là **dữ liệu cá nhân nhạy cảm**.

Trước khi Nghị định 13/2023/NĐ-CP có hiệu lực, Nghị định 117/2018/NĐ-CP đã có quy định về bảo mật thông tin khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng. Theo đó, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức được phép khác có trách nhiệm bảo mật **thông tin khách hàng**, bao gồm **thông tin định danh khách hàng** và **thông tin tài khoản**. Cụ thể, theo Khoản 1, Điều 3 Nghị định 117/2018/NĐ-CP, thông tin tài khoản không chỉ bao gồm STKNH mà còn bao gồm số dư, giao dịch tài chính và thông tin định danh của khách hàng như: họ tên, mẫu chữ ký, địa chỉ, quốc tịch... Điều này cho thấy thông tin tài khoản *không phải là một dữ liệu đơn lẻ* mà nó phải là một tập hợp dữ liệu có tính hệ thống. Chỉ khi có đầy đủ các trường dữ liệu thành phần thì **thông tin tài khoản** mới có thể giúp xác định danh tính của một cá nhân cụ thể.

Như vậy, trong trường hợp doanh nghiệp chỉ được cung cấp STKNH của người lao động thì doanh nghiệp cũng không thể biết được các thông tin tài chính chi tiết, số dư tài khoản, sao kê giao dịch,... của người lao động. Hay nói cách khác, đối với doanh nghiệp, STKNH của người lao động *không phải là dữ liệu cá nhân nhạy cảm*.

Chỉ khi doanh nghiệp yêu cầu người lao động phải cung cấp đầy đủ các trường thông tin, dữ liệu về số dư tài khoản, giao dịch tài chính, thông tin tiền gửi, tài sản gửi, ... thì mới bị coi là hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

### 3) Vậy số tài khoản ngân hàng được xếp vào loại dữ liệu cá nhân gì?

Từ các phân tích nêu trên, có thể khẳng định đối với doanh nghiệp thì STKNH không phải là dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Tuy nhiên, khi xét phân loại dữ liệu cá nhân cơ bản theo Khoản 3 Điều 2 Nghị định 13/2023/NĐ-CP thì STKNH cũng chỉ có thể miễn cưỡng được xếp vào loại “*các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể không thuộc quy định tại khoản 4 Điều này*”. Do đó, khi nghiên cứu quy định và tuân thủ Nghị định 13/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp cần lưu ý phân loại chính xác và không yêu cầu người lao động cung cấp các thông tin nhạy cảm như tiền gửi, tài sản gửi, giao dịch, ...

## III- KẾT LUẬN

Như vậy, đối với doanh nghiệp, STKNH không phải là dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Do đó, khi các doanh nghiệp thực hiện chi trả lương cho người lao động bằng hình thức chuyển khoản mà không thu thập, lưu trữ và xử lý thêm thông tin chi tiết khác của người lao động thì không phải tuân thủ quy định về xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

Dưới góc độ người lao động, cần lưu ý rằng đã từng có nhiều vụ việc kẻ gian sử dụng phương thức “chuyển khoản nhầm” tiền vào một tài khoản. Sau đó, thay vì đề nghị nạn nhân hoàn tiền về tài khoản gốc, chúng lại cung cấp một số tài khoản khác – thực chất là tài khoản do chúng kiểm soát. Nếu nạn nhân không cảnh giác, làm theo hướng dẫn thì sẽ chuyển tiền cho kẻ gian mà không thể lấy lại được. Do đó, mỗi người dùng cần lưu ý bảo vệ số tài khoản cá nhân để tránh các rủi ro liên quan bằng một số biện pháp như:

- Thường xuyên cập nhật các chính sách bảo mật của các ứng dụng thanh toán như: ứng dụng ngân hàng, các ví điện tử...
- Kiểm tra định kỳ thông báo giao dịch để phát hiện kịp thời các giao dịch bất thường.
- Nắm rõ quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ thể dữ liệu, chỉ cung cấp dữ liệu cá nhân cho các đơn vị/doanh nghiệp/tổ chức đã đáp ứng yêu cầu tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Không chia sẻ STKNH công khai trên mạng xã hội bởi việc này có thể tạo cơ hội cho kẻ gian lợi dụng, kết hợp với các thông tin được công khai khác để xây dựng hồ sơ người dùng nhằm thực hiện các hành vi lừa đảo.

**AUTHOR(S)**

**HOANG KHAC VINH**

**Legal Assistant**

**E: [vinh.hoang@asialegal.vn](mailto:vinh.hoang@asialegal.vn)**

**DOAN HUYEN MY**

**Legal Intern**

**Disclaimer:** The entire compilation of documents has been prepared solely for the purpose of presenting general information. Still, it is not intended for or in any way considered as legal advice provided by Asia Legal. Under any circumstances, Asia Legal disclaims any responsibility for any decisions or actions taken based on the information contained in these documents, as well as any consequential or similar damages, even if Asia Legal has been duly notified of the potential occurrence of such damages.

**CONTACT:**

**Telephone:**

(+84) 24 2269 3399

**Hotline:**

(+84) 84 400 8484

**Email:**

[info@asialegal.vn](mailto:info@asialegal.vn)

**Website:**

[www.asialegal.vn](http://www.asialegal.vn)

**Headquarter (Hanoi)**

15th Floor, HT Building, No. 80 Duy Tan,  
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

**ABOUT ASIA LEGAL:**

Asia Legal is one of the reputable business law firms in Vietnam. At Asia Legal, our commitment lies not only in providing conventional legal services but also in delivering tailored legal solutions that align with the business requirements of our clients. Our approach is founded upon an in-depth comprehension of Vietnamese legislation and a thorough understanding of the unique commercial landscape each client operates within.

To ensure the provision of high-quality service to our clients, we focus our endeavors exclusively on catering developing deeply to the service segments as follow:

- Mergers & Acquisitions
- Dispute Resolution
- Foreign Investment
- International Trade
- Energy & Natural Resources
- Real Estate & Construction
- Labor & Employment
- Data Privacy
- Intellectual Property



**SCAN QR CODE  
TO JOIN US**